

Bản án số: 53/2022/HS-PT  
Ngày: 17 - 01 - 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Công Mười

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Thành Văn

Bà Trần Thị Thu Thủy

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Diệu Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 546/2021/TLPT-HS ngày 10 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo Bùi Văn K và các bị cáo khác do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 48/2021/HSST ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

**- Các bị cáo bị kháng cáo:**

1. **Bùi Văn K**, sinh năm 1972 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Bùi Văn T1 (chết) và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1937; vợ: Nguyễn Thị Trúc M1, sinh năm 1972; có hai người con, lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 1995; tiền án: không;

Tiền sự: Ngày 06 tháng 01 năm 2020 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G xử phạt vi phạm hành chính với hình thức phạt tiền, số tiền 3.000.000 đồng, theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 21/QĐ-XPVPHC về hành vi “Khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp khi khối lượng khoáng sản dưới 10m<sup>3</sup> (khối lượng vi phạm

9,065m<sup>3</sup>) mà không có giấy phép khai thác khoáng sản (đã nộp phạt ngày 08 tháng 01 năm 2020);

Bị cáo tại ngoại, (có mặt);

2. **Huỳnh Ngọc A**, sinh năm 1987 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Huỳnh Văn T2 (chết) và bà Lê Thị T3, sinh năm 1961; vợ: Phan Thị Ngọc L, sinh năm 1992; con: có 02 người con sinh năm 2020; tiền án: không;

Tiền sự: Ngày 06 tháng 01 năm 2020 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G xử phạt vi phạm hành chính với hình thức phạt tiền, số tiền 3.000.000 đồng, theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 22/QĐ-XPVPHC về hành vi “Khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp khi khối lượng khoáng sản dưới 10m<sup>3</sup> (khối lượng vi phạm 9,065m<sup>3</sup>) mà không có giấy phép khai thác khoáng sản (đã nộp phạt ngày 08 tháng 01 năm 2020);

Bị cáo tại ngoại, (có mặt);

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Nguyễn Thị Trúc M1, sinh năm 1972; nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre, vắng mặt;

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Vào khoảng 00 giờ 30 phút ngày 23 tháng 9 năm 2020, Bùi Văn K điện thoại kêu Huỳnh Ngọc A đi khai thác cát trái phép thì được A đồng ý. Sau đó, A đi đến nhà K rồi cùng K xuống ghe đậu gần nhà K. Sau khi xuống ghe, A tháo dây, K điều khiển ghe chạy trên sông H đến khu vực cồn Đ1 thuộc xã S1, huyện G, tỉnh Bến Tre. Đến nơi, A thả neo xuống lòng sông, K vận hành máy hút cát rồi tiếp tục điều khiển phương tiện. Khai thác cát trái phép được khoảng 30 phút thì bị Tổ công tác Phòng cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường - Công an tỉnh Bến Tre phát hiện quả tang. Lực lượng Công an yêu cầu tắt máy, kéo ống lên để tiến hành lập biên bản thì K nhảy xuống sông bơi vào bờ, A ở lại làm việc với cơ quan Công an và khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện. Khối lượng cát khai thác được trên khoang chứa của phương tiện là 16,125m<sup>3</sup>. Sau đó, Tổ công tác Phòng cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường Công an tỉnh Bến Tre chuyển hồ sơ cùng tang vật cho Công an huyện G, tỉnh Bến Tre thụ lý theo thẩm quyền. Vài ngày sau, K đến Công an xã Đ, huyện M để làm việc và khai nhận toàn bộ sự việc.

Ngoài ra, trong tháng 09 năm 2020, K cùng A đã hai lần thực hiện hành vi khai thác cát trái phép trên sông H thuộc xã S1, huyện G, khối lượng cát đã khai thác được mỗi lần đầy ghe là 20m<sup>3</sup>. Số cát này A bán cho ông Phan Văn V, sinh năm 1972, ngụ ấp H1, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre với giá 2.000.000 đồng/ghe được 4.000.000 đồng. K trả tiền công cho A được 600.000 đồng, số tiền 3.400.000 đồng còn lại K tiêu xài cá nhân.

Trước đó, vào ngày 06 tháng 01 năm 2020, Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre xử phạt hành chính Bùi Văn K và Huỳnh Ngọc A mỗi người 3.000.000 đồng về hành vi “khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mà không có giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”. K và A chấp hành xong quyết định xử phạt vào ngày 08 tháng 01 năm 2020 và không có khiếu nại, khiếu kiện quyết định xử phạt hành chính.

Vật chứng thu giữ:

- 01 ghe gỗ không biển kiểm soát, trọng tải khoảng 40 tấn, (chiều dài 16,6m, chiều ngang rộng nhất 4,1m, chiều cao 1,8m), bị vô nước, hư hỏng nhiều chỗ đã qua sử dụng.

- 01 động cơ máy chính dùng để chạy phương tiện, nhãn hiệu IZUSU6, không xác định công suất mã lực (chiều dài 0,8m, rộng 0,4m, cao 0,7m), đã qua sử dụng.

- 01 máy bơm hút cát, nhãn hiệu 6D16, không xác định công suất mã lực (chiều dài 1,0m, rộng 0,5m, cao 0,8m), loại máy cũ, đã qua sử dụng.

- 01 toi để kéo thả ống bơm hút cát (chiều dài 0,4m, rộng 0,4m, cao 0,5 m) đã qua sử dụng.

- 01 đầu bơm hút cát từ lòng sông lên ghe (chiều dài 0,4m, rộng 0,3m, cao 0,4m) bằng kim loại đã qua sử dụng.

- 01 đầu bơm hút cát từ khoang chứa lên bờ (chiều dài 0,3m, rộng 0,3m, cao 0,4m) bằng kim loại, đã qua sử dụng.

- 01 đầu bơm nước (chiều dài 0,25m, rộng 0,2m, cao 0,25m), bằng kim loại đã qua sử dụng.

- 01 ống nhựa dùng hút cát từ lòng sông nối vào đầu bơm hút cát, chiều dài 16m, đường kính 0,17m, đã qua sử dụng.

- 01 ống nhựa nối từ đầu hút cát ra ghe, chiều dài 1,5m, đường kính 0,17m, đã qua sử dụng.

- 01 ống nhựa dùng hút cát từ khoang nối vào đầu bơm hút cát lên bờ, chiều dài 07m, đường kính 0,12m, đã qua sử dụng.

- 01 ống kim loại nối với ống nhựa thả xuống sông hút cát lên ghe, chiều dài 2m, đường kính 0,25m, đã qua sử dụng.

- 01 ống nhựa dùng hút nước từ sông nối vào đầu bơm nước, chiều dài 5m, đường kính 0,10m, đã qua sử dụng.

- 01 ống nhựa nối vào đầu ra bơm nước, chiều dài 4m, đường kính 0,10m, đã qua sử dụng.

- Một mẫu cát sông đựng trong hộp nhựa (còn lại sau giám định) được niêm phong trong giấy niêm phong, trên giấy niêm phong có đóng dấu của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre (ghi ngày 31 tháng 3 năm 2021, ký hiệu DT 01).

Tại kết luận giám định tài sản số 10/KL-HĐĐG ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Hội đồng định giá – Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre kết luận 16,125m<sup>3</sup> trị giá 1.064.250 đồng;

Tại kết luận định giá tài sản số 27/KL-HĐĐG ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng định giá - Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre kết luận 40m<sup>3</sup> trị giá 2.640.000 đồng;

Tại kết luận giám định tư pháp ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre kết luận: mẫu cát sông ký hiệu DT01 thu giữ trên ghe gỗ của Bùi Văn K mà Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre gửi giám định là khoáng sản.

Tại Công văn số 3283/TNMT-QLNN & KTTV ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre xác định vị trí có tọa độ X:1125215, Y: 567219 nơi Bùi Văn K, Huỳnh Ngọc A khai thác cát trái phép là thuộc xã S1, huyện G, tỉnh Bến Tre. Vị trí tọa độ này Ủy ban nhân dân tỉnh không cấp giấy phép khai thác khoáng sản (cát lòng sông). Trong hồ sơ cấp phép không có cấp phép giấy phép khai thác khoáng sản cho Bùi Văn K và Huỳnh Ngọc A.

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 48/2021/HSST ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, quyết định:*

[1]. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn K và Huỳnh Ngọc A phạm “Tội vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”;

1.1. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 227; điểm i, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Bùi Văn K** 04 (Bốn) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù;

1.2. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 227; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Ngọc A 04** (Bốn) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù;

[2]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

Tịch thu để nộp vào ngân sách Nhà nước một phần hai giá trị của phương tiện gồm:

- 01 ghe gỗ không biển kiểm soát, trọng tải khoảng 40 tấn, (chiều dài 16,6m, chiều ngang rộng nhất 4,1m, chiều cao 1,8m), bị vô nước, hư hỏng nhiều chỗ đã qua sử dụng.

- 01 động cơ máy chính dùng để chạy phương tiện, nhãn hiệu IZUSU6, không xác định công suất mã lực (chiều dài 0,8m, rộng 0,4m, cao 0,7m), đã qua sử dụng.

- 01 máy bơm hút cát, nhãn hiệu 6D16, không xác định công suất mã lực (chiều dài 1,0m, rộng 0,5m, cao 0,8m), loại máy cũ, đã qua sử dụng.

- 01 toi để kéo thả ống bơm hút cát (chiều dài 0,4m, rộng 0,4m, cao 0,5 m) đã qua sử dụng.

- 01 đầu bơm hút cát từ lòng sông lên ghe (chiều dài 0,4m, rộng 0,3m, cao 0,4m) bằng kim loại đã qua sử dụng.

- 01 đầu bơm hút cát từ khoang chứa lên bờ (chiều dài 0,3m, rộng 0,3m, cao 0,4m) bằng kim loại, đã qua sử dụng.

- 01 đầu bơm nước (chiều dài 0,25m, rộng 0,2m, cao 0,25m), bằng kim loại đã qua sử dụng.

- 01 ống nhựa dùng hút cát từ lòng sông nối vào đầu bơm hút cát, chiều dài 16m, đường kính 0,17m, đã qua sử dụng.

- 01 ống nhựa nối từ đầu hút cát ra ghe, chiều dài 1,5m, đường kính 0,17m, đã qua sử dụng.

- 01 ống nhựa dùng hút cát từ khoang nối vào đầu bơm hút cát lên bờ, chiều dài 07m, đường kính 0,12m, đã qua sử dụng.

- 01 ống kim loại nối với ống nhựa thả xuống sông hút cát lên ghe, chiều dài 2m, đường kính 0,25m, đã qua sử dụng.

- 01 ống nhựa dùng hút nước từ sông nối vào đầu bơm nước, chiều dài 5m, đường kính 0,10m, đã qua sử dụng.

- 01 ống nhựa nối vào đầu ra bơm nước, chiều dài 4m, đường kính 0,10m, đã qua sử dụng.

Trả lại một phần hai giá trị của phương tiện nêu trên cho bà Nguyễn Thị Trúc M1 tại thời điểm thi hành án.

Trả lại môi trường tự nhiên: Một mẫu cát sông đựng trong hộp nhựa (còn lại sau giám định) được niêm phong trong giấy niêm phong, trên giấy niêm phong có đóng dấu của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre (ghi ngày 31 tháng 3 năm 2021, ký hiệu DT 01).

*(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/7/2021 hiện Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre đang quản lý).*

Buộc Bùi Văn K nộp 3.400.000 (Ba triệu bốn trăm nghìn) đồng và Huỳnh Ngọc A nộp 600.000 (Sáu trăm nghìn) đồng tiền thu lợi bất chính để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 15/10/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre kháng nghị không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và tăng hình phạt đối với các bị cáo Bùi Văn K và Huỳnh Ngọc A. Tịch thu sung quỹ nhà nước chiếc ghe không biển kiểm soát và các máy móc, dụng cụ bơm cát được trang bị trên ghe mà Bùi Văn K sử dụng là công cụ, phương tiện phạm tội.

Ngày 01/11/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị đề nghị không áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự và tăng hình phạt đối với hai bị cáo Bùi Văn K và Huỳnh Ngọc A.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quan điểm kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, theo đó đề nghị Hội đồng xét xử tăng hình phạt đối với 02 bị cáo.

Riêng đối với nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận về nội dung xử lý vật chứng, vì cho rằng ở trường hợp này vật chứng là tài sản riêng của vợ, chồng. Vợ bị cáo K không có lỗi, nên được trả lại  $\frac{1}{2}$  tài sản.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Thứ nhất: Đối với nội dung kháng nghị về áp dụng pháp luật và hình phạt của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, thấy rằng:

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã thu thập trong hồ sơ vụ án thể hiện: Mặc dù trước đó, vào ngày 06/01/2020, hai bị cáo Bùi Văn K và Huỳnh Ngọc A đã bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Khai thác khoáng sản” trái phép, với mức phạt mỗi người 3.000.000 đồng; đồng thời, trước khi bị phát hiện hành vi phạm tội trong vụ án này, hai bị cáo còn thực hiện hành vi khai thác cát trái phép 02 (hai) lần trên sông H, thuộc xã S1, huyện G với khối lượng mỗi lần là  $20\text{m}^3$ , thu lợi bất chính số tiền 4.000.000 đồng, bị cáo K trả tiền công cho bị cáo A 600.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo K tiêu xài cá nhân. Tuy nhiên, mặc dù chưa được xóa về hành vi vi phạm hành chính, nhưng các bị cáo này vẫn tiếp tục thực hiện hành vi khai thác cát trái phép với khối lượng  $16,125\text{ m}^3$  tại thời điểm bị bắt quả tang.

[1.1] Như vậy, có thể khẳng định rằng trong vụ án này, các bị cáo đều nhận thức được hành vi khai thác cát trái phép là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm, thể hiện sự xem thường pháp luật. Hành vi phạm tội của các bị cáo này là một trong những nguyên nhân chính gây sạt lở nhiều khúc sông và hàng trăm nhà dân, gây biến đổi dòng chảy cũng như làm thất thoát nguồn tài nguyên, nên việc cần có mức hình phạt nghiêm là cần thiết nhằm răn đe, phòng ngừa tội phạm. Trong vụ án này, do các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật. Chính vì vậy, việc nhận định và xác định cho rằng, các bị cáo này phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là không phù hợp với quy định của Bộ luật hình sự.

[1.2] Về đánh giá vai trò, tính chất, mức độ tội phạm và căn cứ quyết định hình phạt của Tòa án cấp sơ thẩm, thấy rằng:

Trong vụ án này, đã có đủ cơ sở xác định bị cáo Bùi Văn K là người chủ mưu, cầm đầu, rủ rê bị cáo Huỳnh Ngọc A thực hiện hành vi phạm tội. Cũng chính bị cáo K là người thực hiện tội phạm mang tính chủ động, tích cực; bản thân bị cáo là người hưởng lợi nhiều hơn và trả công cho bị cáo A số tiền 600.000 đồng. Khi bị cơ quan chức năng bắt quả tang, bị cáo không chấp hành mà nhảy xuống sông, bơi vào bờ bỏ trốn. Riêng bị cáo A chấp hành, ở lại làm việc với cơ quan công an và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Chính vì vậy, vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội là nguy hiểm hơn bị cáo A. Bị cáo A được xác định có vai trò đồng phạm giúp sức, hưởng lợi ít hơn so với bị cáo K. Vì lẽ đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt cả hai bị cáo mức hình phạt ngang nhau (cùng 04 tháng tù) là không phù hợp với nguyên tắc xử lý tội phạm theo

quy định tại Điều 3 Bộ luật hình sự và trái với quy định về đồng phạm theo quy định tại Điều 17 Bộ luật hình sự.

[1.3] Từ nhận định trên cho thấy, quan điểm kháng nghị về phần hình phạt đối với bị cáo Bùi Văn K là có căn cứ, nên được chấp nhận. Riêng đối với bị cáo Huỳnh Ngọc A xét thấy: mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp với tính chất, mức độ cũng như vai trò của bị cáo trong vụ án này, đồng thời đã đảm bảo được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm; vì vậy không chấp nhận phần quan điểm kháng nghị về phần hình phạt đối với bị cáo này.

[2] Về xử lý vật chứng:

Vật chứng thu giữ trong vụ án này là 01 (một) ghe gỗ không biển kiểm soát cùng máy móc, dụng cụ bơm, hút cát được xác định là công cụ, phương tiện phạm tội. Mặc dù, đây là tài sản chung của bị cáo K và vợ là bà Nguyễn Thị Trúc M1. Bị cáo và bà M1 cho rằng, việc bị cáo dùng làm phương tiện bà M1 hoàn toàn không biết, nhưng sau khi mua những phương tiện, công cụ này đã giao cho bị cáo K toàn quyền sử dụng, nên bị cáo K là chủ sở hữu hợp pháp đối với tài sản này. Vì vậy, chiếc ghe cùng máy móc, dụng cụ bơm hút cát được bị cáo K dùng làm công cụ, phương tiện cần phải được xử lý tịch thu toàn bộ theo đúng quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự. Việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ tuyên tịch thu 1/2 công cụ, phương tiện trên là không phù hợp với quy định của pháp luật. Quan điểm kháng nghị về nội dung này của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp, nên được chấp nhận. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao về nội dung này là không phù hợp, nên không được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và một phần Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 48/2021/HS-ST ngày 04/10/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre về phần hình phạt của bị cáo Bùi Văn K và về phần xử lý vật chứng.

Không chấp nhận phần quyết định kháng nghị đối với hình phạt của bị cáo Huỳnh Ngọc A. Giữ nguyên phần hình phạt đối với bị cáo này.

1. Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn K và Huỳnh Ngọc A phạm “Tội vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”;



Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 227; điểm i, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Bùi Văn K 06 (sáu)** tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 227; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38; Điều 17 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Ngọc A 04 (Bốn)** tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù;

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

Tịch thu để nộp vào ngân sách Nhà nước toàn bộ số phương tiện gồm:

- 01 ghe gỗ không biển kiểm soát, trọng tải khoảng 40 tấn, (chiều dài 16,6m, chiều ngang rộng nhất 4,1m, chiều cao 1,8m), bị vô nước, hư hỏng nhiều chỗ đã qua sử dụng.

- 01 động cơ máy chính dùng để chạy phương tiện, nhãn hiệu IZUSU6, không xác định công suất mã lực (chiều dài 0,8m, rộng 0,4m, cao 0,7m), đã qua sử dụng.

- 01 máy bơm hút cát, nhãn hiệu 6D16, không xác định công suất mã lực (chiều dài 1,0m, rộng 0,5m, cao 0,8m), loại máy cũ, đã qua sử dụng.

- 01 toi để kéo thả ống bơm hút cát (chiều dài 0,4m, rộng 0,4m, cao 0,5 m) đã qua sử dụng.

- 01 đầu bơm hút cát từ lòng sông lên ghe (chiều dài 0,4m, rộng 0,3m, cao 0,4m) bằng kim loại đã qua sử dụng.

- 01 đầu bơm hút cát từ khoang chứa lên bờ (chiều dài 0,3m, rộng 0,3m, cao 0,4m) bằng kim loại, đã qua sử dụng.

- 01 đầu bơm nước (chiều dài 0,25m, rộng 0,2m, cao 0,25m), bằng kim loại đã qua sử dụng.

- 01 ống nhựa dùng hút cát từ lòng sông nối vào đầu bơm hút cát, chiều dài 16m, đường kính 0,17m, đã qua sử dụng.

- 01 ống nhựa nối từ đầu hút cát ra ghe, chiều dài 1,5m, đường kính 0,17m, đã qua sử dụng.

- 01 ống nhựa dùng hút cát từ khoang nối vào đầu bơm hút cát lên bờ, chiều dài 07m, đường kính 0,12m, đã qua sử dụng.

- 01 ống kim loại nối với ống nhựa thả xuống sông hút cát lên ghe, chiều dài 2m, đường kính 0,25m, đã qua sử dụng.

- 01 ống nhựa dùng hút nước từ sông nối vào đầu bơm nước, chiều dài 5m, đường kính 0,10m, đã qua sử dụng.

- 01 ống nhựa nối vào đầu ra bơm nước, chiều dài 4m, đường kính 0,10m, đã qua sử dụng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn theo luật định.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thành Văn**

**Trần Thị Thu Thủy**

**Phạm Công Mười**

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Công an tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Cục THADS tỉnh Bến Tre;
- Bị cáo tại ngoại;
- NCQL&NVLQ;
- Lưu: HS, VP, 18bTNB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Công Mười**